

LD VIETSOVPETRO
TRƯỞNG BAN DBTT

K/g: D/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 08/07/2019

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		TD5+TD1+RP3	7:25	3+17+0	0+0+0		0+16+6	0+0+0	SU CO BOM TRAM TD5
2		TD1+RP2-TD1	9:25	11+1+1	0+0+0		11+2+9	0+0+0	

TTBBSX



FLIGHT MANIFEST



DATE: 08/07/2019	TO: TD5 - TD1 - RP3	AIRCRAFT: 416	ETD: 07:30
FLIGHT: 1	FROM: VT	CREW: L Hải - T Đông - TDUNG	ETA: 09:10
XANH-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	DAO THE VU	TD5	09	1	5		72	KHOAN	Vietnamese
2	LUONG MINH PHUNG	TD5	08	1	9		60	KHOAN	Vietnamese
3	LUU VAN PHONG	TD5	10	1	3		69	KHOAN	Vietnamese
4	NGUYEN VAN DUNG	TD1	84	1	5	70	65	KHOAN	Vietnamese
5	KLIUZHEV R.V	TD1	93	1	8		110	KHOAN	Russian
6	LE HUY TAN	TD1	36	1	5		66	YTE	Vietnamese
7	LE TRONG LUONG	TD1	90	1	5		68	KHOAN	Vietnamese
8	NGUYEN VAN QUY	TD1					65	KHOAN	Vietnamese
9	HOANG VAN MINH	TD1	86	1	3		66	KHOAN	Vietnamese
10	PHAM CONG TIEN	TD1	34	1	3		66	KHOAN	Vietnamese
11	NGUYEN DANH QUY	TD1					70	KHOAN	Vietnamese
12	NGUYEN VAN TUAN	TD1	92	1	5		67	KHOAN	Vietnamese
13	LE VAN HOAN	TD1	28	1	7		81	KHOAN	Vietnamese
14	TÔ THANH HAI*PK-PVD	TD1	85	1	5		85	KHOAN	Vietnamese
15	NGUYEN TRONG THANG	TD1					50	KHOAN	Vietnamese
16	PHAM VAN TAM	TD1	89	1	5		62	KHOAN	Vietnamese
17	NGUYEN TRUONG DUONG	TD1	35	1	5		86	KHOAN	Vietnamese
18	BUI VAN NINH	TD1	87-88	2	12		78	KHOAN	Vietnamese
19	NGUYEN VAN GIN	TD1	91	1	8		65	KHOAN	Vietnamese
20	NGUYEN GIA CUONG	TD1	98-99	2	10		67	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD5	3	3	17	201	0	0		
2	TD1	17	16	86	1.217	70	16		
3	RP3	0	0	0	0	40	6		
TOTAL		20	19	103	1.418	110	22		
WEIGHT KG				103	1.418	110			

GRAND TOAL: 1.631 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 08/07/2019	TO: TD1 - RP2 - BK4	AIRCRAFT: 416	ETD: 09:40
FLIGHT: 2	FROM: VT	CREW: LHải - TĐông - TDUNG	ETA: 11:20
CAM-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LÊ VĂN UÂN	TD1	38	1	5		57	PSV	Vietnamese
2	NGUYEN NGOC PHU	TD1	40	1	4	70	65	PSV	Vietnamese
3	HOANG VAN BAY	TD1	41	1	3		65	PSV	Vietnamese
4	TRIỆU MINH HỒNG	TD1	44	1	3		65	PSV	Vietnamese
5	NGUYEN TAT LỘC	TD1	47	1	5		57	PSV	Vietnamese
6	NGUYEN TIEN THUẬT	TD1	43	1	5		75	PSV	Vietnamese
7	ĐÀU ĐỨC HUNG	TD1	45	1	3		71	PSV	Vietnamese
8	NGUYEN THANH CÔNG	TD1	37	1	3		66	PSV	Vietnamese
9	ĐÀU VIỆT BẮC	TD1	42	1	3		74	PSV	Vietnamese
10	VU VAN PHUC	TD1	46	1	3		57	PSV	Vietnamese
11	LE MINH MINH	TD1	39	1	5		66	PSV	Vietnamese
12	NGUYEN NGOC QUANG	RP2	40-41	2	16		70	XAYLAP	Vietnamese
13	NG. TUÂN VIỆT	BK4	18	1	4	40	75	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD1	11	11	42	718	70	11		
2	RP2	1	2	16	70	0	2		
3	BK4	1	1	4	75	40	9		
TOTAL		13	14	62	863	110	22		
WEIGHT KG				62	863	110			

GRAND TOAL: 1.035 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 09/07/2019

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		TD1+CTK3+VSP01	7:25	4+5+13	0+0+0		1+7+14	0+0+0	
2		BK5+BK8+PPD	7:25	4+0+17	0+0+0		0+1+21	0+0+0	CHUYỂN 4 PAX TỪ BK8-PPD
3		JS2+P8	7:25	13+9	0+0		11+11	0+0	
4		TD2+TTC2	7:25	17+5	0+0		13+8	0+0	
5		P3+P6	7:25	5+17	0+0		3+19	0+0	
6		AMD+RP3	9:25	22+0	0+0		2+20	0+0	
7		P4+RP1	9:25	21+1	0+0		14+8	0+0	
8		PPD+BK4+TTC3	9:25	18+0+4	0+0+0		15+0+7	0+0+0	CHUYỂN 3 PAX TỪ PPD-BK4
9		P8+RP3	9:25	19+3	0+0		9+13	0+0	
10		BK6+P9+P3	9:25	3+0+19	0+0+0		0+0+22	0+0+0	CHUYỂN 2 PAX TỪ P9-P3
11		AMD+PPD	11:25	13+9	0+0		11+11	0+0	
12		RP3+TD1	11:25	17+5	0+0		16+6	0+0	
13		P6+P8	11:25	11+11	0+0		5+17	0+0	
14		VSP01+P4	11:25	16+4	0+0		11+11	0+0	
15		TGTH5+AMD	11:25	11+11	0+0		7+15	0+0	



FLIGHT MANIFEST



DATE: 09/07/2019	TO: TD1 - CTK3 - VSP01	AIRCRAFT: 846	ETD: 07:30
FLIGHT: 1	FROM: VT	CREW: Vận - MTHAO - Trường	ETA: 09:10
xanh-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	VENBLAT A.	TD1					102	D-HANH	Russian
2	AZOVTSSEV S.	TD1					100	D-HANH	Russian
3	ZHARKOV A.V	TD1	54	1	5		120	KHOAN	Russian
4	MIRSAITOV	TD1	55	1	4		92	NIPI	Russian
5	NGUYEN BINH LONG	CTK3	81	1	3		75	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYEN TUAN ANH	CTK3	82-83	2	17		81	XAYLAP	Vietnamese
7	TRAN VAN DOAN	CTK3	84-85	2	15		67	XAYLAP	Vietnamese
8	LE VAN TU	CTK3	77-78	2	12	30	60	NIPI	Vietnamese
9	ĐINH HỒNG THẮNG	CTK3					67	SANBAY	Vietnamese
10	GRICHENKOV IU.V.	VSP01	02	1	8		90	KH-THAC	Russian
11	POPOV A.A.	VSP01	01	1	8		120	KH-THAC	Russian
12	SKOROBOGATKO	VSP01	10	1	7		95	KH-THAC	Russian
13	VƯƠNG VĂN THÔNG	VSP01	05-07	3	12		60	YTE	Vietnamese
14	TRƯỜNG HIỀN	VSP01	09	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese
15	TRƯỜNG THANH PHÚ	VSP01					74	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYEN BAC HA	VSP01					75	KH-THAC	Vietnamese
17	LÊ SY KHOI	VSP01					80	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYEN NGOC LAN	VSP01					74	KH-THAC	Vietnamese
19	PHAN DUY BINH	VSP01	11	1	5	30	92	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYEN ĐỨC THÔNG	VSP01	03	1	8		90	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYEN HOANG LONG	VSP01	08	1	3		65	KH-THAC	Vietnamese
22	PHẠM HUY BÌNH	VSP01	04	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD1	4	2	9	414	0	1		
2	CTK3	5	7	47	350	30	7		
3	VSP01	13	11	61	1.055	30	14		
TOTAL		22	20	117	1.819	60	22		
WEIGHT KG				117	1.819	60			

GRAND TOAL: 1.996 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 09/07/2019	TO: BK5 - BK8 - PPD	AIRCRAFT: 420	ETD: 07:35
FLIGHT: 2	FROM: VT	CREW: TTrung - ĐTuấn - N Nam	ETA: 09:15
CAM-1			

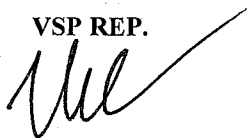
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN VĂN ĐỨC	BK5	16	1	11	35	80	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN THANH TÂM	BK5	18	1	13		81	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN QUỐC HÙNG	BK5	17	1	8	98	70	KH-THAC	Vietnamese
4	LÊ THANH BÌNH	BK5	15	1	9		62	KH-THAC	Vietnamese
5	AKIMOV	PPD				30	100	D-HANH	Russian
6	KIEU THỊ HAI NHI	PPD					67	D-HANH	Vietnamese
7	VÔ THỊ HAI LY	PPD					65	D-HANH	Vietnamese
8	BUILOVA	PPD					65	D-HANH	Russian
9	LÊ ĐĂNG TÂM	PPD	88	1	2		61	D-HANH	Vietnamese
10	MIKHAILOV	PPD					96	D-HANH	Russian
11	ĐO DUY LỊCH	PPD	83	1	7		73	KH-THAC	Vietnamese
12	BUI VĂN VIỆN	PPD	81	1	8		64	KH-THAC	Vietnamese
13	BONDARENKO	PPD					100	KH-THAC	Russian
14	ORLOV	PPD	78	1	6		92	KH-THAC	Russian
15	LÂM QUANG NAM	PPD	77	1	5		79	KHI	Vietnamese
16	NGUYỄN MINH VIỆN	PPD	84	1	9		73	KHI	Vietnamese
17	ĐINH THẾ QUÂN	PPD	80	1	6		69	KHI	Vietnamese
18	BUI THANH HAI	PPD	75	1	5		61	KHI	Vietnamese
19	NGUYỄN ĐĂNG HUY	PPD	82	1	3		81	KHI	Vietnamese
20	VÔ TÁ QUANG	PPD	76	1	5		67	KHI	Vietnamese
21	NGUYỄN NGỌC THU	PPD	79	1	5		62	KHI	Vietnamese

FLIGHT PLAN

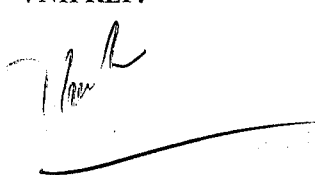
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK5	4	4	41	293	133	0		CHUYEN 4 PAX TU BK8 SANG PPD
2	BK8	0	0	0	0	20	1 + 4		
3	PPD	17	11	61	1.275	30	21		
TOTAL		21	15	102	1.568	183	22		
WEIGHT KG				102	1.568	183			

GRAND TOAL: 1.853 KGS

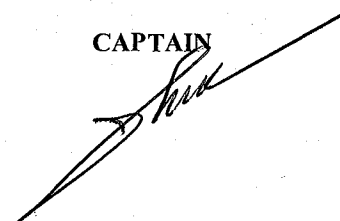
VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 09/07/2019	TO: JS2 - P8	AIRCRAFT: 426	ETD: 07:40
FLIGHT: 3	FROM: VT	CREW: TUYỀN - Khang - Luy	ETA: 09:20
VANG-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PHẠM VĂN ĐOÀ	JS2	83	1	3		59	KH-THAC	Vietnamese
2	ĐINH VĂN THANH	JS2	86	1	4		70	KH-THAC	Vietnamese
3	PHẠM TRUNG THUY	JS2	91	1	2		67	KH-THAC	Vietnamese
4	ĐẶNG LONG HAI	JS2	94-95	2	15	45	70	KH-THAC	Vietnamese
5	ĐỖ ĐỨC ANH	JS2	87	1	11	13	82	CODIEN	Vietnamese
6	NGUYỄN HOANG PHÚC	JS2	89-90	2	18		87	CODIEN	Vietnamese
7	TRẦN VIỆT HỒ	JS2	96	1	12	24	70	DVL	Vietnamese
8	HÀN ĐẠI HẠO	JS2	886	1	12		75	DVL	Vietnamese
9	PHAN ĐĂNG TUẤN	JS2	98	1	10		58	DVL	Vietnamese
10	ĐỖ NGỌC DUYỀN	JS2	84	1	11		74	DVL	Vietnamese
11	NGUYỄN VĂN HIỆU	JS2	85	1	14		84	DVL	Vietnamese
12	TRƯƠNG MINH KHÁNH	JS2	200	1	10		70	DVL	Vietnamese
13	NGUYỄN XUÂN QUỲNH	JS2	97	1	4		65	GETRACO	Vietnamese
14	NGUYỄN VĂN QUY	P8					65	KH-THAC	Vietnamese
15	PHẠM VĂN ĐÔNG	P8	47	1	7		82	YTE	Vietnamese
16	TRẦN NGỌC VĂN	P8	44	1	11		63	KH-THAC	Vietnamese
17	DUƠNG PHÁT	P8	45	1	12		80	KH-THAC	Vietnamese
18	HUYNH CHÁNH PHÁT	P8	49	1	5	40	63	KH-THAC	Vietnamese
19	LUƠNG VĂN QUYẾT	P8	46	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
20	OVCHRENKO A N	P8	48	1	8		83	KH-THAC	Russian
21	LÊ VĂN TÂN	P8	43	1	3		66	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	JS2	13	15	126	931	82	11		
2	P8	8	7	51	562	40	11		
TOTAL		21	22	177	1.493	122	22		
WEIGHT KG				177	1.493	122			

GRAND TOAL: 1.792 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 09/07/2019	TO: TD2 - TTC2	AIRCRAFT: 416	ETD: 07:55
FLIGHT: 4	FROM: VT	CREW: LHải - TĐông - TDUNG	ETA: 09:35
NAU-1A			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN VĂN THỰC	TD2	36	1	10		82	KHOAN	Vietnamese
2	VŨ MẠNH THẮNG	TD2	27-28	2	7		72	KHOAN	Vietnamese
3	LÊ MẠNH THẮNG	TD2	22	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
4	NGUYỄN THANH ANH	TD2	29	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
5	TRẦN ĐỨC DỤC	TD2	35	1	5		62	KHOAN	Vietnamese
6	NGUYỄN THANH TUYẾN	TD2	24	1	6		75	KHOAN	Vietnamese
7	PHAN MẠNH CUÔNG	TD2	23	1	5	70	75	KHOAN	Vietnamese
8	NGÔ VĂN HUY	TD2	32	1	4		75	KHOAN	Vietnamese
9	PHẠM THANH GIANG	TD2	33	1	5		72	KHOAN	Vietnamese
10	ĐỖ BA NAM	TD2	26	1	4		85	KHOAN	Vietnamese
11	NGUYỄN VIỆT TRUNG	TD2	25	1	15		85	KHOAN	Vietnamese
12	LÊ PHÚ PHÚC	TD2	40	1	8	25	81	DVL	Vietnamese
13	PHAN VINH TRƯỜNG	TD2	39	1	10		68	DVL	Vietnamese
14	PHAN THANH TỊNH	TD2	38	1	15		70	DVL	Vietnamese
15	TRẦN ANH TUẤN	TD2	37	1	12		77	DVL	Vietnamese
16	ĐOÀN VĂN LAN	TD2	31	1	5		74	GETRACO	Vietnamese
17	BUI HUU TRI	TD2	34	1	5		55	GETRACO	Vietnamese
18	HOÀNG QUỐC BẢO	TTC2	84	1	9		62	KH-THAC	Vietnamese
19	HOÀNG VĂN THỰC	TTC2	91	1	5		52	KH-THAC	Vietnamese
20	TẠ MẠNH HÙNG	TTC2				35	65	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYỄN TUẤN MINH	TTC2	92	1	7		77	KH-THAC	Vietnamese
22	NGUYỄN VĂN HUYNH	TTC2	90	1	8		72	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD2	17	18	126	1.243	95	13		
2	TTC2	5	4	29	328	35	8		
TOTAL		22	22	155	1.571	130	21		
WEIGHT KG				155	1.571	130			

GRAND TOAL: 1.856 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 09/07/2019	TO: P3 - P6	AIRCRAFT: 428	ETD: 07:50
FLIGHT: 5	FROM: VT	CREW: Nam - MTuấn - HIẾU	ETA: 09:30
TRANG-1A			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	DAVUDOV D.S	P3	92	1	5		67	KHOAN	Russian
2	NGUYEN VAN XUAN	P3	91	1	5		61	KHOAN	Vietnamese
3	VU CAO BANG	P3	90	1	4	57	81	KHOAN	Vietnamese
4	TRAN DUC HONG*PK-PVD	P3	95	1	8		80	KHOAN	Vietnamese
5	NGUYEN TAN PHUOC	P3	94	1	4		63	KHOAN	Vietnamese
6	ĐINH QUANG TRUNG	P6	23	1	5		77	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYEN VAN LINH	P6	13	1	4		47	YTE	Vietnamese
8	NGUYEN VAN TAI	P6	27	1	7		60	KH-THAC	Vietnamese
9	VU THANH DO	P6	25	1	6		56	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYEN XUAN CU	P6	19	1	4		55	KH-THAC	Vietnamese
11	MAI MANH KHANH CUONG	P6	22	1	14		82	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYEN VAN THIN	P6	11	1	5		78	KH-THAC	Vietnamese
13	TRAN VAN KHUONG	P6	20	1	5		78	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYEN VAN PHU	P6	17	1	6		77	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYEN HUY HUNG	P6	16	1	9	50	63	KH-THAC	Vietnamese
16	VU DUC DUNG	P6	24	1	4		87	KH-THAC	Vietnamese
17	TRAN XUAN QUANG	P6	14	1	3		65	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYEN TRONG	P6	18	1	5		62	KH-THAC	Vietnamese
19	ĐAO KIM SAM	P6	15	1	7		69	KH-THAC	Vietnamese
20	TRAN HUY THONG	P6	12	1	3		80	KH-THAC	Vietnamese
21	LAM VAN KHUONG	P6	21	1	5		69	KH-THAC	Vietnamese
22	NGO VAN SANG	P6	16	1	5		58	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P3	5	5	26	352	57	3		
2	P6	17	17	97	1.163	50	19		
TOTAL		22	22	123	1.515	107	22		
WEIGHT KG				123	1.515	107			

GRAND TOAL: 1.745 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 09/07/2019	TO: AMD - RP3	AIRCRAFT: 846	ETD: 09:30
FLIGHT: 6	FROM: VT	CREW: Vận - MTHAO - Trường	ETA: 11:10
XANH-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PHAM VAN AN	AMD	17	1	9	70	67	HLJOC	Vietnamese
2	CU XUAN HUY	AMD	16	1	5		61	HLJOC	Vietnamese
3	NGUYEN TRUONG THO	AMD	26	1	10		64	TLJOC	Vietnamese
4	PHAN THANH TONG	AMD	41-42	2	15		56	BAB	Vietnamese
5	PHAN DINH NGAN	AMD	38-39	2	18		62	BAB	Vietnamese
6	NGUYEN KIM TUAN	AMD	20	1	5		88	BAB	Vietnamese
7	BUI XUAN TAO	AMD	28-29	2	13		63	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYEN CONG DUNG	AMD	35	1	8		71	KH-THAC	Vietnamese
9	TRINH VAN PHA	AMD	37	1	5		61	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYEN VAN TAN	AMD	19	1	5		74	KH-THAC	Vietnamese
11	LE DUC TAM	AMD	21	1	7		69	KH-THAC	Vietnamese
12	TRAN DINH HIEU	AMD	18	1	4		72	KH-THAC	Vietnamese
13	DAO DUC HUY	AMD	27	1	10		66	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYEN DUC HAU	AMD	31-32	2	16		65	KH-THAC	Vietnamese
15	VU NGOC DUONG	AMD	40	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
16	DOAN VAN DUNG	AMD	33	1	5		77	KH-THAC	Vietnamese
17	HOANG HO NGHIA	AMD	25	1	8		68	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYEN NGOC THU	AMD	22	1	6		70	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYEN THANH TAN	AMD	36	1	7		75	KH-THAC	Vietnamese
20	PHAM VAN LAM	AMD	23-24	2	10		75	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYEN VAN TRUNG	AMD	30	1	7		66	KH-THAC	Vietnamese
22	NGUYEN HONG LINH (PVDT)	AMD	34	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	AMD	22	27	183	1.515	70	2		
2	RP3	0	0	0	0	60	20		
TOTAL		22	27	183	1.515	130	22		
WEIGHT KG				183	1.515	130			

GRAND TOAL: 1.828 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 09/07/2019	TO: P4 - RP1	AIRCRAFT: 420	ETD: 09:35
FLIGHT: 7	FROM: VT	CREW: TTrung - ĐTuấn - NNam	ETA: 11:15
HONG-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	HA QUỐC VIỆT	P4	24	1	3		61	KHI	Vietnamese
2	SUDAKOV A.A	P4	16	1	8		104	KHI	Russian
3	LÊ VĂN HƯƠNG	P4	25	1	3		68	KHI	Vietnamese
4	TRẦN DUY KHƯƠNG	P4	29	1	5		86	KHI	Vietnamese
5	NGUYỄN ĐÌNH CÚ	P4	20	1	7		74	KHI	Vietnamese
6	LÊ NGỌC KÝ	P4	23	1	3		70	KHI	Vietnamese
7	HOANG HUY TIEN	P4	19	1	10		56	KHI	Vietnamese
8	TẠ VĂN QUYNH	P4					73	KHI	Vietnamese
9	NGÔ VĂN HA	P4	28	1	5		72	KHI	Vietnamese
10	SANG KOMPIANG DWI YUDIARTHA	P4	21-22	2	15		88	KHI	Indonesian
11	BUI DANG TIEN	P4	31	1	8		68	KHI	Vietnamese
12	HOANG THAI DUONG	P4					72	KHI	Vietnamese
13	NGUYỄN CHIẾN CÔNG	P4	26	1	8		67	KHI	Vietnamese
14	ĐOÀN VĂN TRỰC	P4	30	1	5		67	KHI	Vietnamese
15	LÊ HỒNG PHONG	P4	27	1	7		81	KHI	Vietnamese
16	ANSEROV V.	P4					76	KH-THAC	Russian
17	BUI ĐỨC HẬU	P4	17	1	7	33	61	CODIEN	Vietnamese
18	NGUYỄN VĂN THỦ	P4	18	1	10	20	50	CODIEN	Vietnamese
19	ĐẶNG THĂNG LONG	P4	32-33	2	15	22	74	XAYLAP	Vietnamese
20	TRẦN MINH TÂM	P4	34-35	2	12		60	XAYLAP	Vietnamese
21	TRAN VAN PHUC	P4	36	1	12		71	XAYLAP	Vietnamese
22	NGUYỄN TRỌNG QUÊ	RP1	85-86	2	15	50	68	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P4	21	21	143	1.499	75	14		
2	RP1	1	2	15	68	50	8		
TOTAL		22	23	158	1.567	125	22		
WEIGHT KG				158	1.567	125			

GRAND TOAL: 1.850 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 09/07/2019	TO: PPD - BK4 - TTC3	AIRCRAFT: 426	ETD: 09:40
FLIGHT: 8	FROM: VT	CREW: TUYỀN - Khang - Luy	ETA: 11:20
TRANG-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN ĐỨC NGỌC	PPD	15	1	3		67	KHI	Vietnamese
2	TRẦN SƠN HẢI	PPD	97	1	6		75	KHI	Vietnamese
3	NGUYỄN VĂN HÀ	PPD	09	1	3		60	KHI	Vietnamese
4	NGUYỄN XUAN HUYNH	PPD	900	1	6		50	KHI	Vietnamese
5	PHẠM HỒNG THAI	PPD	94-95	2	9	30	65	KHI	Vietnamese
6	TRƯƠNG ANH TÚ	PPD	16	1	7		68	KH-THAC	Vietnamese
7	HUYNH XUAN TRUONG	PPD	17-18	2	10		75	D-HANH	Vietnamese
8	ĐOÀN MINH TUẤN	PPD	89-90	2	15		67	CODIEN	Vietnamese
9	NGUYỄN ĐẠI NGHĨA	PPD	13	1	10		55	CODIEN	Vietnamese
10	PHẠM XUAN HAI	PPD	12	1	10		68	CODIEN	Vietnamese
11	ĐINH MAI THIÊN	PPD	11	1	5		73	CODIEN	Vietnamese
12	CAO DẠC DÂN	PPD	91-92	2	15		70	CODIEN	Vietnamese
13	NGUYỄN HỮU HAO	PPD	99	1	4		77	KHI	Vietnamese
14	ĐOÀN VIỆT ĐIỆP	PPD	10	1	5		58	KHI	Vietnamese
15	TRẦN VĂN NAM	PPD	14	1	5		66	KHI	Vietnamese
16	LÊ MINH PHỤNG	PPD	96	1	5		75	KHI	Vietnamese
17	ĐOÀN DUY HÙNG	PPD	98	1	6		90	KHI	Vietnamese
18	NGUYỄN TRỌNG ĐẠI NGHĨA	PPD	93	1	5		77	KHI	Vietnamese
19	LÊ ĐẠI HẠNH	TTC3	01	1	3		62	KH-THAC	Vietnamese
20	TRẦN TRỌNG HIỆU	TTC3	03	1	2	50	54	KH-THAC	Vietnamese
21	TÔ TIẾN DŨNG	TTC3	02	1	2		80	KH-THAC	Vietnamese
22	NGUYỄN THANH SỰ	TTC3	04	1	5		67	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PPD	18	22	129	1.236	30	15	3	CHUYỂN 3 PAX PPD SANG BK4
2	BK4	0	0	0	0	0	0		
3	TTC3	4	4	12	263	50	7		
TOTAL		22	26	141	1.499	80	22		
WEIGHT KG				141	1.499	80			

GRAND TOAL: 1.720 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 09/07/2019	TO: P8 - RP3	AIRCRAFT: 416	ETD: 09:55
FLIGHT: 9	FROM: VT	CREW: LHai - TĐông - TDUNG	ETA: 11:35
CAM-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TIKHONOV	P8	57-58	2	16		95	KH-THAC	Russian
2	NGUYEN HUU DUNG	P8	67	1	8		60	KH-THAC	Vietnamese
3	LE QUANG HIEN	P8					75	KH-THAC	Vietnamese
4	TRAN QUOC VIET	P8	52	1	8		72	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYEN NGOC TIEN	P8	55	1	6		60	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYEN ĐỨC HÙNG	P8	66	1	5		55	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYEN TIEN DUNG	P8	61	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
8	PHAN ANH ĐỨC	P8	54	1	6		70	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYEN VIET KHA	P8	53	1	6	20	63	KH-THAC	Vietnamese
10	ĐAO ĐỨC THAI	P8	71	1	10		85	KH-THAC	Vietnamese
11	ĐAM VAN QUANG	P8	69	1	5		62	KH-THAC	Vietnamese
12	TRUONG HAI HA	P8	68	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
13	TRAN THANH HOANG	P8	70	1	5		68	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYEN XUAN HAI	P8	56	1	7		62	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYEN VAN QUANG	P8	62	1	5		68	KH-THAC	Vietnamese
16	HOANG TRUNG HAU	P8	59	1	3		65	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYEN TRONG TUYEN	P8	63	1	17		70	XAYLAP	Vietnamese
18	VU TUAN ANH	P8	65	1	10	15	75	XAYLAP	Vietnamese
19	BUI VAN THIET	P8	60	1	10		70	XAYLAP	Vietnamese
20	ĐINH HOAI ĐỨC	RP3					70	KHI	Vietnamese
21	TU NGOC HAI	RP3	87	1	8		77	KHI	Vietnamese
22	NGUYEN VAN TAN	RP3				60	70	KHI	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P8	19	19	137	1.312	35	9		
2	RP3	3	1	8	217	60	13		
TOTAL		22	20	145	1.529	95	22		
WEIGHT KG				145	1.529	95			

GRAND TOAL: 1.769 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 09/07/2019	TO: BK6 - P9 - P3	AIRCRAFT: 428	ETD: 09:50
FLIGHT: 10	FROM: VT	CREW: ATUÂN - Nam - HIẾU	ETA: 11:30
VANG-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN ĐÌNH ĐIẾP	BK6	32	1	4	149	71	CODIEN	Vietnamese
2	NGUYỄN KHẮC THÔNG	BK6	33	1	4		70	CODIEN	Vietnamese
3	NGUYỄN HỮU TUYẾN	BK6	31	1	8		59	XAYLAP	Vietnamese
4	VŨ VĂN HOÀ	P3	16	1	4		60	KHOAN	Vietnamese
5	NGUYỄN TRỌNG DŨNG	P3	17	1	3		79	KHOAN	Vietnamese
6	NGUYỄN VĂN NGÂN	P3	18	1	3		67	KHOAN	Vietnamese
7	PHẠM XUÂN HUY	P3					67	KHOAN	Vietnamese
8	NG ĐÌNH CƯỜNG*TD-PVDT	P3	19	1	5		67	KHOAN	Vietnamese
9	TRẦN MINH TUẤN	P3	15	1	6		67	KHOAN	Vietnamese
10	NGUYỄN HỮU NAM-PVD	P3	01	1	6		89	KHOAN	Vietnamese
11	LÊ MINH HIỆP	P3	13	1	6	20	65	KHOAN	Vietnamese
12	PHẠM NAM HAI	P3	14	1	4		83	KHOAN	Vietnamese
13	TRẦN QUỐC ĐẠI	P3	08-09	2	14		82	KH-THAC	Vietnamese
14	TRẦN ĐỨC SƠN	P3	07	1	9		80	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN KHẮC THANH CHUNG	P3	05-06	2	8		67	KH-THAC	Vietnamese
16	VŨ THAI THANH	P3	10	1	9	40	84	KH-THAC	Vietnamese
17	LÊ MINH HOÀNG	P3	11-12	2	10		80	NIPI	Vietnamese
18	NGUYỄN VĂN NGỌC PHÚ	P3	20-21	2	14		60	NIPI	Vietnamese
19	CHAI RAT SUWAN	P3	22	1	4	18	63	NIPI	Thailand
20	PHẠM HỮU MINH	P3	04	1	4		60	GETRACO	Vietnamese
21	PHAN VĂN HAU	P3	02	1	5		70	GETRACO	Vietnamese
22	BUI VĂN QUỐC	P3	03	1	3		60	GETRACO	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK6	3	3	16	200	149	0		CHUYEN 2 PAX P9 SANG P3
2	P9	0	0	0	0	0	0+2		
3	P3	19	22	117	1.350	78	22		
TOTAL		22	25	133	1.550	227	22		
WEIGHT KG				133	1.550	227			

GRAND TOAL: 1.910 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 09/07/2019	TO: AMD - PPD	AIRCRAFT: 846	ETD: 11:30
FLIGHT: 11	FROM: VT	CREW: Vận - MMinh - THỤ	ETA: 13:10
XANH-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN ANH DUY	AMD	61	1	5		62	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN VĂN HÙNG	AMD	52	1	3		71	KH-THAC	Vietnamese
3	TRƯƠNG LÊ ANH DUNG	AMD	53	1	10		81	KH-THAC	Vietnamese
4	LÊ MINH THUẬN	AMD	49-50	2	20	10	65	KH-THAC	Vietnamese
5	TRAN DUY HAI	AMD	62	1	10		66	KH-THAC	Vietnamese
6	TRAN NGOC BINH	AMD	54	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYEN HAI CHUNG	AMD	66	1	11		79	KH-THAC	Vietnamese
8	HOANG VAN DUONG	AMD	55-56	2	11		75	KH-THAC	Vietnamese
9	CONG DUC TAM	AMD	59-60	2	11		60	KH-THAC	Vietnamese
10	PHAM HONG QUANG	AMD	57-58	2	10		57	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYEN VAN DUNG	AMD	65	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
12	PHUNG QUANG THANG	AMD	47-48	2	10		75	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN HỒNG SƠN	AMD	63-64	2	14		61	KH-THAC	Vietnamese
14	HUYNH NAM LONG	PPD	21	1	8	35	63	KHI	Vietnamese
15	DƯƠNG TRƯỜNG LÂM	PPD	25	1	5		65	KHI	Vietnamese
16	KHÔNG TIẾN DUNG	PPD	28	1	4		75	KHI	Vietnamese
17	TRƯƠNG SỸ GIANG	PPD	22	1	4		65	NIPI	Vietnamese
18	PHẠM VĂN ĐỨC	PPD					71	T-TIN	Vietnamese
19	BUI LONG HUNG	PPD	24	1	5		65	PSV	Vietnamese
20	TẠ GIA SƠN	PPD	27	1	6		67	PSV	Vietnamese
21	PHAN THANH HAI	PPD	23	1	5		65	PSV	Vietnamese
22	HOANG MINH DUC	PPD	26	1	6		70	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	AMD	13	19	125	877	10	11		
2	PPD	9	8	43	606	35	11		
TOTAL		22	27	168	1.483	45	22		
WEIGHT KG				168	1.483	45			

GRAND TOAL: 1.696 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 09/07/2019	TO: RP3 - TD1	AIRCRAFT: 420	ETD: 11:35
FLIGHT: 12	FROM: VT	CREW: ĐTuấn - KHOẢN - PTUẤN	ETA: 13:15
NAU-3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LÀNH TRUNG ĐÔNG	RP3	59	1	4		63	KHI	Vietnamese
2	NGUYỄN TRỌNG TUẤN	RP3					70	KHI	Vietnamese
3	NGUYỄN VĂN CÚ	RP3	64	1	5		55	KHI	Vietnamese
4	LÊ ĐỨC VIỆT	RP3	53	1	5		71	KHI	Vietnamese
5	NGUYỄN TRUNG KIẾN	RP3				35	68	KHI	Vietnamese
6	NGUYỄN QUỐC BẢO BÌNH	RP3	52	1	5		60	KHI	Vietnamese
7	PHẠM HỒNG LINH	RP3	62	1	4		75	KHI	Vietnamese
8	TRẦN VƯƠNG HUNG	RP3	61	1	3		80	KHI	Vietnamese
9	NGUYỄN NGỌC DƯƠNG	RP3	54	1	7		70	KHI	Vietnamese
10	LÊ TUẤN ANH	RP3	56-57	2	12		75	CODIEN	Vietnamese
11	TRẦN MẠNH CUÔNG	RP3	58	1	5		70	CODIEN	Vietnamese
12	TRỊNH HOÀI ĐỨC	RP3	55	1	10		70	CODIEN	Vietnamese
13	NGUYỄN XUÂN QUY	RP3	66-67	2	15		75	XAYLAP	Vietnamese
14	NGUYỄN VĂN HIẾN	RP3	65	1	10		55	XAYLAP	Vietnamese
15	SAVILEV	RP3	51	1	10		120	NIPI	Russian
16	TRƯỜNG QUANG TUU	RP3	68	1	5		70	T-TIN	Vietnamese
17	LÊ ĐỨC HUY	RP3	69-70	2	10		68	T-TIN	Vietnamese
18	MẠC ĐỨC TRỌNG	TD1	67	1	10		65	SHINTRAC	Vietnamese
19	TRẦN ANH DŨNG	TD1	66	1	5		76	SHINTRAC	Vietnamese
20	ĐOÀN XUÂN CUÔNG	TD1	57	1	15		72	CODIEN	Vietnamese
21	ĐẶNG TIẾN TOÀN	TD1	59	1	10		60	CODIEN	Vietnamese
22	VƯƠNG ĐỨC TRỌNG	TD1	58	1	5		70	CODIEN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP3	17	18	110	1.215	35	16		
2	TD1	5	5	45	343	0	6		
TOTAL		22	23	155	1.558	35	22		
WEIGHT KG				155	1.558	35			

GRAND TOAL: 1.748 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 09/07/2019	TO: P6 - P8	AIRCRAFT: 416	ETD: 11:55
FLIGHT: 13	FROM: VT	CREW: LHải - TĐông - TDUNG	ETA: 13:35
TRANG-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PHẠM HOÀNG TÙNG	P6	35	1	11		67	KH-THAC	Vietnamese
2	ĐÔNG XUÂN PHÚ	P6	34	1	9		59	KH-THAC	Vietnamese
3	PHẠM VĂN LỢI	P6	33	1	9	73	60	KH-THAC	Vietnamese
4	BUI THỨC PHÚC	P6					66	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN HỮU HẬU	P6	36	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese
6	PHAN VĂN CHIẾN	P6	39	1	7		80	T-TIN	Vietnamese
7	HẠP TIẾN HẢI	P6	40	1	7		78	T-TIN	Vietnamese
8	NGÔ QUANG NINH	P6	41	1	8		68	T-TIN	Vietnamese
9	TRẦN VĂN VIỆT B	P6	31	1	4		70	GETRACO	Vietnamese
10	VU DUC SY	P6	37-38	2	17		68	KH-THAC	Vietnamese
11	VU VAN HOE	P6	32	1	5		62	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN THANH HÙNG	P8	76	1	15		72	XAYLAP	Vietnamese
13	LÊ QUỐC HUƠNG	P8	74	1	10		72	XAYLAP	Vietnamese
14	BUI ĐÌNH THU	P8	77	1	15		65	XAYLAP	Vietnamese
15	NGUYỄN VINH PHONG	P8	79	1	17		65	XAYLAP	Vietnamese
16	ĐOÀN XUÂN DƯƠNG	P8	78	1	9	27	62	XAYLAP	Vietnamese
17	NGUYỄN QUANG CHUNG	P8	75	1	10		58	XAYLAP	Vietnamese
18	NGUYỄN NAM KHANH	P8	82-83	2	15		66	XAYLAP	Vietnamese
19	TRẦN ĐỨC CHÍN	P8	80	1	12		66	XAYLAP	Vietnamese
20	NGUYỄN VĂN SƠN	P8	84	1	10		55	XAYLAP	Vietnamese
21	LÊ HUY CHUÔNG	P8	85	1	12		65	XAYLAP	Vietnamese
22	TRẦN VĂN CHIÊU	P8	81	1	9		63	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P6	11	11	82	758	73	5		
2	P8	11	12	134	709	27	17		
TOTAL		22	23	216	1.467	100	22		
WEIGHT KG				216	1.467	100			

GRAND TOAL: 1.783 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 09/07/2019	TO: VSP01 - P4	AIRCRAFT: 426	ETD: 11:40
FLIGHT: 14	FROM: VT	CREW: TUYỀN - Khang - Vũ	ETA: 13:20
VANG-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN VĂN MÍT	VSP01	31	1	4		70	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN NGỌC BÈ	VSP01	25	1	2		62	KH-THAC	Vietnamese
3	HUYNH VĂN THON	VSP01					76	KH-THAC	Vietnamese
4	NGO XUAN ĐỨC	VSP01	34	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN VĂN NGHĨA	VSP01					77	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN QUANG NAM	VSP01	33	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
7	TRẦN XUAN THUY	VSP01					81	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN THUỘNG HAI	VSP01	30	1	2		65	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN BA NGỌC	VSP01	27	1	4		63	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN ANH THĂNG	VSP01	26	1	2		65	KH-THAC	Vietnamese
11	BUI NGUYỄN QUANG	VSP01	35	1	2		74	KH-THAC	Vietnamese
12	DOAN VIET ĐANG	VSP01					70	KH-THAC	Vietnamese
13	TRẦN ANH TUAN	VSP01					66	KH-THAC	Vietnamese
14	PHẠM VĂN TRƯỞNG	VSP01	32	1	8		60	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN VĂN THUY	VSP01	29	1	5		64	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN QUỐC TUAN	VSP01	28	1	7		70	KH-THAC	Vietnamese
17	HOANG THANH SON	P4	44	1	14		66	XAYLAP	Vietnamese
18	LÊ VĂN QUANG	P4	45-46	2	17	16	72	XAYLAP	Vietnamese
19	TRƯỜNG ĐỨC MẠNH	P4	45	1	11	40	78	XAYLAP	Vietnamese
20	PHẠM HUY ĐÌNH	P4	42-43	2	17		57	T-TIN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

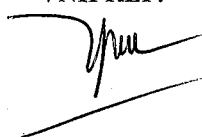
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	VSP01	16	11	46	1.098	0	11		
2	P4	4	6	59	273	56	11		
TOTAL		20	17	105	1.371	56	22		
WEIGHT KG				105	1.371	56			

GRAND TOAL: 1.532 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 09/07/2019	TO: TGTH5 - AMD	AIRCRAFT: 428	ETD: 11:50
FLIGHT: 15	FROM: VT	CREW: ATUÁN - Nam - HIẾU	ETA: 13:30
CAM-3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PHUNG MINH HAI	TGTH5	96	1	6		75	HLJOC	Vietnamese
2	TRAN MINH KIEN	TGTH5	95	1	5		70	HLJOC	Vietnamese
3	TRAN HAI NAM	TGTH5	089-090	2	12		63	HLJOC	Vietnamese
4	TANG XUAN CHIN	TGTH5	13-14	2	15		62	HLJOC	Vietnamese
5	LE ANH HAO	TGTH5	93-94	2	18		52	HLJOC	Vietnamese
6	CAO HUU CHIEU	TGTH5	97-98	2	5		52	HLJOC	Vietnamese
7	TRAN THANH LAM	TGTH5	15	1	7		75	HLJOC	Vietnamese
8	BUI VAN HUONG	TGTH5	92	1	6		71	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYEN VAN DINH	TGTH5	91	1	8		72	KH-THAC	Vietnamese
10	VI TRAN TAN THUAN	TGTH5	99,900	2	15		65	KH-THAC	Vietnamese
11	ĐANG QUANG ĐỨC	TGTH5	16	1	8		68	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYEN VAN TRUONG	AMD	02	1	4		75	PSV	Vietnamese
13	ĐO VĂN QUANG	AMD	13	1	4		66	PSV	Vietnamese
14	LÊ VĂN NAM	AMD	05	1	9		67	PSV	Vietnamese
15	PHAM VAN TUAN	AMD	06	1	5		80	PSV	Vietnamese
16	NGUYEN TAN VUONG	AMD	07	1	5		67	PSV	Vietnamese
17	LÊ ĐẶC ĐÔNG	AMD	08-09	2	7		58	PSV	Vietnamese
18	TRAN NGOC BINH	AMD	01	1	4		67	PSV	Vietnamese
19	LÊ CÔNG VIỆT	AMD	03	1	4		55	PSV	Vietnamese
20	NGUYEN LAM THANG	AMD	10	1	5		88	PSV	Vietnamese
21	TRAN THANH QUANG	AMD	04	1	5		75	TLJOC	Vietnamese
22	TRAN DUC THANG	AMD	11-12	2	16		65	TLJOC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TGTH5	11	16	105	725	0	7		
2	AMD	11	13	68	763	0	15		
TOTAL		22	29	173	1.488	0	22		
WEIGHT KG				173	1.488	0			

GRAND TOAL: 1.661 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN